

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG BẢO TÀNG HỒ CHÍ MINH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020



Tháng 3 năm 2021

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 34

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng Bảo tàng Hồ Chí Minh (Sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm 2020 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Minh Đức	Chủ tịch
Ông Đoàn Văn Khang	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Hiền	Thành viên
Ông Đỗ Việt Thi	Thành viên
Bà Trần Thị Hoa	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phạm Minh Đức	Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Việt Thi	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đoàn Văn Khang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Tôn Mạnh Dũng	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Bà Phạm Thu Lan	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông Nguyễn Tất Thụ	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thủy	Thành viên

Kế toán trưởng Công ty trong năm 2020 và đến ngày lập báo cáo này là bà Trần Thị Hoa.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng này.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng hàng năm phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về Quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Phạm Minh Đức
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2021

Số: 239 /2021/UHY - BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Xây dựng Bảo tàng Hồ Chí Minh

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Xây dựng Bảo tàng Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 30/03/2021, trình bày từ trang 06 đến trang 34 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Chúng tôi thực hiện kiểm toán nhằm đưa ra ý kiến về tình hình tài chính, sự tuân thủ các quy chế về quản lý đầu tư xây dựng cơ bản theo các thủ tục kiểm toán thông thường, không nhằm đưa ra ý kiến về giá trị quyết toán vốn đầu tư công trình hoàn thành. Việc này chỉ thực hiện khi tiến hành các thủ tục kiểm toán đặc thù áp dụng riêng cho việc quyết toán vốn đầu tư các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xây dựng Bảo tàng Hồ Chí Minh tại ngày 31/12/2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Phạm Gia Đạt
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận ĐKHNKT số:
0798-2018-112-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY
Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2021

Hoàng Thị Nga
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận ĐKHNKT số:
4079-2018-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.065.459.665.012	1.058.962.209.544
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	266.464.031.572	47.164.494.544
Tiền	111		96.464.031.572	47.164.494.544
Các khoản tương đương tiền	112		170.000.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		426.798.372.776	482.194.426.192
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	248.394.520.890	376.754.218.905
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		103.069.641.885	56.481.003.909
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	7	69.900.000.000	47.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	8.467.220.443	4.992.213.820
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	6	(3.033.010.442)	(3.033.010.442)
Hàng tồn kho	140	8	363.573.778.706	525.735.987.188
Hàng tồn kho	141		363.573.778.706	525.735.987.188
Tài sản ngắn hạn khác	150		8.623.481.958	3.867.301.620
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	13	8.623.481.958	3.867.301.620
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		110.561.468.291	132.682.799.603
Tài sản cố định	220		54.584.184.800	61.856.367.073
Tài sản cố định hữu hình	221	9	54.584.184.800	61.856.367.073
- Nguyên giá	222		136.998.344.213	136.963.344.213
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(82.414.159.413)	(75.106.977.140)
Bất động sản đầu tư	230	10	16.823.928.425	22.987.334.414
- Nguyên giá	231		84.214.110.999	84.214.110.999
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(67.390.182.574)	(61.226.776.585)
Đầu tư tài chính dài hạn	250	5	28.294.558.349	28.938.631.096
Đầu tư vào công ty con	251		12.500.000.000	12.500.000.000
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		17.150.000.000	17.150.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.355.441.651)	(711.368.904)
Tài sản dài hạn khác	260		10.858.796.717	18.900.467.020
Chi phí trả trước dài hạn	261	11	10.646.259.982	17.214.974.778
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	28	212.536.735	1.685.492.242
TỔNG TÀI SẢN	270		1.176.021.133.303	1.191.645.009.147

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		801.972.811.476	830.924.002.205
Nợ ngắn hạn	310		758.757.699.092	778.199.655.444
Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	264.003.722.203	380.016.342.763
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	14	393.650.155.588	234.377.197.340
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	1.847.731.574	2.046.975.044
Phải trả người lao động	314		35.228.933.889	64.853.538.550
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	6.316.283.897	5.171.455.364
Phải trả ngắn hạn khác	319	16	28.046.348.402	24.390.315.170
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	17	890.000.000	41.277.299.674
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		28.774.523.539	26.066.531.539
Nợ dài hạn	330		43.215.112.384	52.724.346.761
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	18	2.097.955.830	12.958.729.240
Dự phòng phải trả dài hạn	342	19	41.117.156.554	39.765.617.521
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		374.048.321.827	360.721.006.942
Vốn chủ sở hữu	410	20	374.048.321.827	360.721.006.942
Vốn góp của chủ sở hữu	411		80.000.000.000	80.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		80.000.000.000	80.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		18.350.075.000	18.350.075.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		27.958.157.795	27.958.157.795
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		247.740.089.032	234.412.774.147
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		216.539.774.147	189.631.863.315
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		31.200.314.885	44.780.910.832
TỔNG NGUỒN VỐN	440		1.176.021.133.303	1.191.645.009.147

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2021



Tổng Giám đốc

Phạm Minh Đức

Kế toán trưởng

Trần Thị Hoa

Người lập biểu

Ngô Kim Dung

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		720.360.734.758	1.087.662.709.960
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	21	720.360.734.758	1.087.662.709.960
Giá vốn hàng bán	11	22	662.165.398.328	1.007.787.822.913
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		58.195.336.430	79.874.887.047
Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	4.896.240.978	3.627.046.326
Chi phí tài chính	22	24	2.844.547.643	2.383.931.879
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		2.200.464.453	1.702.101.030
Chi phí bán hàng	25	25	114.936.909	134.082.545
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	52.490.728.049	65.469.526.897
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		7.641.364.807	15.514.392.052
Thu nhập khác	31	26	31.905.220.334	40.768.841.360
Chi phí khác	32		236.651.965	22.364.858
Lợi nhuận khác	40		31.668.568.369	40.746.476.502
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		39.309.933.176	56.260.868.554
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	6.636.662.784	10.234.634.346
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	28	1.472.955.507	1.245.323.376
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		31.200.314.885	44.780.910.832

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2021



Tổng Giám đốc

Phạm Minh Đức

Kế toán trưởng

Trần Thị Hoa

Người lập biểu

Ngô Kim Dung

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Lợi nhuận trước thuế	01	39.309.933.176	56.260.868.554
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	13.470.588.262	14.097.716.943
Các khoản dự phòng	03	1.995.611.780	(7.560.745.039)
(Lãi)/lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	10.443	(5.657)
(Lãi) hoạt động đầu tư	05	(4.896.240.978)	(3.804.313.396)
Chi phí lãi vay	06	2.200.464.453	1.702.101.030
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	52.080.367.136	60.695.622.435
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	75.012.828.585	177.505.953
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	162.162.208.482	263.463.956.398
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	10.330.404.121	(336.914.979.947)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	6.568.714.796	(4.017.708.005)
Tiền lãi vay đã trả	14	(2.200.464.453)	(1.632.970.531)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(7.100.000.000)	(12.527.240.435)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(2.884.015.000)	(3.546.909.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	293.970.043.667	(34.302.723.132)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(35.000.000)	(833.900.000)
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(23.900.000.000)	(47.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	1.000.000.000	80.000.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(12.000.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	3.850.000.000
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	651.803.478	1.466.042.550
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(22.283.196.522)	25.482.142.550
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền thu từ đi vay	33	44.274.334.104	96.827.885.889
Tiền trả nợ gốc vay	34	(84.661.633.778)	(74.975.517.015)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(12.000.000.000)	(16.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(52.387.299.674)	5.852.368.874
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	219.299.547.471	(2.968.211.708)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	47.164.494.544	50.132.700.595
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(10.443)	5.657
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	266.464.031.572	47.164.494.544

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2021

Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập biểu

Phạm Minh Đức

Trần Thị Hoa

Ngô Kim Dung

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Xây dựng Bảo tàng Hồ Chí Minh được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước - Công ty Xây dựng Bảo tàng Hồ Chí Minh trực thuộc Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội theo Quyết định số 205/QĐ-BXD ngày 31/10/2005 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Hiện nay, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100105077 lần đầu ngày 09/02/2006 (đăng ký thay đổi lần 9 ngày 25/06/2018) do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính: số 381 Đội Cấn, Phường Liễu Giai, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là 80.000.000.000 đồng (Tám mươi tỷ đồng chẵn).

Công ty có các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc, chi tiết như sau:

- Xí nghiệp xây dựng số 2
- Xí nghiệp xây dựng số 4
- Xí nghiệp xây dựng số 5
- Xí nghiệp xây dựng số 7
- Xí nghiệp xây dựng số 8

Các Công ty con và Công ty liên kết: Xem chi tiết tại Thuyết minh số 5 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính.

1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp, giao thông, thủy lợi, bưu điện, các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, đường dây, trạm biến áp;
- Phá dỡ;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác. Chi tiết:
 - + Thang máy, cầu thang tự động;
 - + Các loại cửa tự động;
 - + Hệ thống đèn chiếu sáng;
 - + Hệ thống hút bụi;
 - + Hệ thống âm thanh;
 - + Hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác. Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng;
- Đại lý du lịch. Chi tiết: Đầu tư, kinh doanh du lịch; Du lịch sinh thái, lễ hành (không bao gồm kinh doanh phòng hát karaoke, vũ trường, quán bar);

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.3 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH (TIẾP)

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Khách sạn;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Tư vấn xây dựng các dự án nhà ở đô thị, khu công nghiệp và các công trình xây dựng dân dụng;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét. Chi tiết: Sản xuất vật tư, vật liệu xây dựng;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao. Chi tiết: Sản xuất cấu kiện bê tông;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại. Chi tiết: Sản xuất phụ kiện kim loại cho xây dựng;
- Sản xuất sản phẩm chịu lửa. Chi tiết: Sản xuất gạch Ceramic, gạch xây;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Kinh doanh vật tư, vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông, phụ kiện kim loại cho xây dựng, gạch Ceramic, gạch xây;
- Xây dựng nhà các loại;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Cung cấp các dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...);
- Dịch vụ ăn uống khác;
- Dịch vụ phục vụ đồ uống (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật);
- Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu. Sản xuất chiết suất và chế phẩm từ chè hoặc đồ pha kèm;
- Buôn bán thực phẩm. Buôn bán chè;
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng kinh doanh: Bán lẻ chè
- Hoạt động tư vấn quản lý. Quản lý vận hành nhà chung cư.

Hoạt động chính của Công ty trong năm 2020 là:

- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, bưu điện, các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, đường dây, trạm biến áp;
- Kinh doanh bất động sản;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...);
- Dịch vụ ăn uống khác;
- Dịch vụ phục vụ đồ uống.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO VÀ NĂM TÀI CHÍNH

2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính kèm theo được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

3.1 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng Chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập Báo cáo tài chính.

3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định trong thời gian không quá 03 tháng và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

3.4 CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ và dự phòng phải thu khó đòi. Công ty thực hiện trích lập các khoản dự phòng theo Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/09/2019 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”.

Tại ngày lập Báo cáo tài chính, Công ty thực hiện đánh giá các khoản nợ phải thu khó đòi để trích lập hoặc hoàn nhập các khoản dự phòng này dựa trên dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi hạch toán vào chi phí quản lý trong năm. Thời điểm lập và hoàn nhập các khoản dự phòng là thời điểm cuối năm tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3.5 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung hoặc chi phí liên quan khác, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tại ngày 31/12/2020 được Công ty xác định trên cơ sở khối lượng đã thực hiện đến thời điểm 31/12/2020 nhưng chưa được Bên A nghiệm thu chấp nhận thanh toán (x) đơn giá dự thầu chia (:) cho (1+ thuế suất thuế GTGT + lợi nhuận kế hoạch ước tính).

3.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Thời gian sử dụng (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30
Máy móc, thiết bị	05 - 08
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 09
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 08

3.7 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất, nhà do công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư của Công ty là giá trị của toà nhà văn phòng cho thuê tại số 381 Đội Cấn và số 249A Thụy Khuê.

Khấu hao Bất động sản đầu tư tòa nhà cho thuê được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng, trên thời gian hữu dụng ước tính trong 15 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3.8 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết:

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ lập báo cáo tài chính, cụ thể như sau: Công ty thực hiện trích lập các khoản dự phòng theo Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/09/2019 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”.

3.9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

Các khoản chi phí trả trước dài hạn là giá trị các công cụ, dụng cụ phục vụ thi công là giàn giáo, cốp pha, máy thi công, các công cụ thi công khác; thiết bị văn phòng; chi phí thương hiệu và lợi thế thương mại. Các chi phí này được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng ước tính chi tiết như sau:

	Thời gian sử dụng (năm)
Giàn giáo, cốp pha	02 - 3,5
Công cụ, dụng cụ thi công	02
Thiết bị văn phòng	02
Thương hiệu, lợi thế thương mại	10

3.10 DỰ PHÒNG BẢO HÀNH CÔNG TRÌNH

Công ty thực hiện trích lập dự phòng bảo hành cho các công trình xây lắp đã hoàn thành và bàn giao cho khách hàng, theo Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/09/2019 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”, đồng thời căn cứ theo biên bản họp Hội đồng Quản trị, hợp đồng kinh tế về mức trích cụ thể cho từng công trình. Trong năm 2020, tỷ lệ trích lập dự phòng bảo hành trên tổng giá trị quyết toán không vượt quá 5% đối với các công trình đã hoàn thành và bàn giao.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3.11 GHI NHẬN DOANH THU, CHI PHÍ

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu xây lắp: Đối với các công trình đã nghiệm thu hoàn thành theo từng hạng mục công trình hoặc toàn bộ công trình, doanh thu được ghi nhận trên cơ sở xác nhận khối lượng hoàn thành, quyết toán giá trị A - B có xác nhận của chủ đầu tư. Giá vốn được ghi nhận theo từng công trình, hạng mục công trình hoàn thành nghiệm thu trong kỳ và được xác định như sau:

Giá vốn công trình trong năm = Chi phí SXKD dở dang đầu kỳ + Chi phí phát sinh trong kỳ - Chi phí SXKD dở dang cuối kỳ.

Chi phí SXKD dở dang cuối kỳ = Khối lượng từng hạng mục đã thực hiện nhưng chưa nghiệm thu nhân (x) đơn giá dự thầu, đơn giá chào thầu hoặc đơn giá dự toán (chưa bao gồm thuế GTGT và lợi nhuận ước tính)

- Doanh thu kinh doanh bất động sản: là doanh thu liên quan đến các căn hộ tại dự án 379 Đội Cấn và Dự án N01-T2 Đoàn Ngoại giao. Doanh thu được ghi nhận khi Công ty bàn giao căn hộ cho khách hàng và thực hiện xây dựng bất động sản theo thiết kế của dự án.
- Doanh thu cung cấp dịch vụ: Trong năm Công ty phát sinh doanh thu cho thuê văn phòng tại các địa điểm 147 Đốc Ngừ, 249 Thụy Khuê và 381 Đội Cấn cùng một số dịch vụ khác.

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế, chi tiết cho từng công trình, hạng mục công trình và ước tính đúng kỳ kế toán.

3.12 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Trường hợp khoản vốn vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang thì chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hóa cho tài sản dở dang đó sẽ được xác định là chi phí đi vay thực tế phát sinh từ các khoản vay trừ (-) đi các khoản thu nhập phát sinh từ hoạt động đầu tư tạm thời của các khoản vay này.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	29.650.000.000	(1.355.441.651)	29.650.000.000	(711.368.904)
- Đầu tư vào Công ty con	12.500.000.000	-	12.500.000.000	-
+ Công ty CP Đầu tư và Dịch vụ Vườn Bắc Thủ đô (1)	12.500.000.000	-	12.500.000.000	-
- Đầu tư vào Công ty liên kết	17.150.000.000	(1.355.441.651)	17.150.000.000	(711.368.904)
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản TTT (2)	17.150.000.000	(1.355.441.651)	17.150.000.000	(711.368.904)

(1) Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư & Dịch vụ Vườn Bắc Thủ đô, số vốn đã góp là 12,5 tỷ đồng chiếm 51,02% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Vườn Bắc Thủ đô. Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0108113545 đăng ký lần đầu ngày 29/12/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

(2) Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản TTT, số vốn đã góp là 17.150.000.000 đồng chiếm 49% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản TTT.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	248.394.520.890	(3.033.010.442)	376.754.218.905	(3.033.010.442)
- Tổng Công ty XD Hà Nội - CTCP	1.664.908.248	(262.481.604)	18.415.414.542	(262.481.604)
- Công ty CP Phát triển Nhà Phong Phú - Daewon - Thủ Đức	10.710.198.356	-	18.538.368.201	-
- Bệnh viện Bạch Mai	6.631.345.905	-	24.273.137.771	-
- Công ty phát triển nhà số 35 (Housingco Tân Triều)	14.113.119.447	-	13.208.370.447	-
- Ban QLDA ĐTXD Nhà Quốc hội & Hội trường BD mới	5.500.497.737	-	8.272.993.163	-
- Công ty Cổ phần Anh Tuấn	5.516.743.937	-	10.980.078.909	-
- Công ty CP TĐ ĐT XD & DL Bảo Sơn	32.698.382.344	-	146.915.364.200	-
- Ban QLDA Quận Thanh Xuân	-	-	9.130.864.149	-
- Công ty Cơ khí Ô tô Hòa Bình	31.959.433.749	-	18.625.924.317	-
- Công ty Cổ phần Ford Thăng Long	8.166.388.831	-	13.740.251.683	-
- Công ty TNHH 19-12 Bắc Hà	7.926.810.006	-	12.297.596.328	-
- TTĐT bệnh nghề nghiệp, KCB CLC (TKV)	2.028.738.698	-	2.028.738.698	-
- Công ty TNHH Thăng Long	2.997.680.868	-	2.997.680.868	-
- Công ty Cổ phần IMPERIAL Land	5.500.000.000	-	5.500.000.000	-
- Công ty CP HUD3	-	-	1.726.692.988	-
- Cục xuất nhập cảnh	3.948.938.810	-	3.948.938.810	-
- Công ty CP Phát triển Tài sản VN	238.464.697	-	22.468.794.377	-
- Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị	46.708.622.100	-	-	-
- Công ty CP may Hồ Gươm	5.582.268.921	-	-	-
- Công ty CP QLĐT phát triển Toyota (Mỹ Đình)	6.828.103.181	-	-	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	49.673.875.055	(2.770.528.838)	43.685.009.454	(2.770.528.838)
Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

7. PHẢI THU NGẮN HẠN

	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu về cho vay	69.900.000.000	-	47.000.000.000	-
- Ông Đỗ Ngọc Long (1)	14.200.000.000	-	11.500.000.000	-
- Ông Hoàng Cảnh Lâm (2)	5.500.000.000	-	5.500.000.000	-
- Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Năm Long (3)	20.000.000.000	-	20.000.000.000	-
- Công ty CP Hanssem (4)	10.000.000.000	-	10.000.000.000	-
- Ông Nguyễn Minh Hải (5)	20.000.000.000	-	-	-
- Ông Nguyễn Khánh Dư (6)	200.000.000	-	-	-
Phải thu ngắn hạn	8.467.220.443	-	4.992.213.820	-
- Phải thu thuế TNCN	-	-	97.563.982	-
- Lãi dự thu	7.451.211.875	-	3.206.774.375	-
- Phải thu khác	990.464.857	-	1.662.333.842	-
- Tạm ứng cho các cá nhân	24.500.000	-	24.500.000	-
- Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	1.043.711	-	1.041.621	-
Dài hạn	-	-	-	-

(1): Theo hợp đồng số 01/2020 ngày 25/05/2020 và Phụ lục hợp đồng số 01/12/2020 ngày 01/12/2020 giữa Công ty Cổ phần Xây dựng Bảo tàng Hồ Chí Minh và ông Đỗ Ngọc Long với lãi suất cho vay 8,5%/năm, thời hạn vay đến hết 25/05/2021.

(2) Theo hợp đồng số 02/2019 ngày 15/08/2019 và Phụ lục hợp đồng số 02 ngày 15/8/2020 giữa Công ty Cổ phần Xây dựng Bảo tàng Hồ Chí Minh và ông Hoàng Cảnh Lâm với lãi suất 8,5%/năm, thời hạn vay đến 15/8/2021.

(3) Theo hợp đồng số 04/2019 ngày 10/12/2019 và Phụ lục hợp đồng số 01 ngày 10/12/2020 giữa Công ty Cổ phần Xây dựng Bảo tàng Hồ Chí Minh và Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Năm Long với lãi suất 8,5%/năm, thời hạn vay đến 10/12/2021.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

7. PHẢI THU NGÁN HẠN (TIẾP)

- (4) Theo hợp đồng số 01/2018 ngày 26/12/2018 và Phụ lục hợp đồng số 01 ngày 01/01/2020 giữa Công ty Cổ phần Xây dựng Bảo tàng Hồ Chí Minh và Công ty Cổ phần Hanssem với lãi suất 8%/năm, thời hạn vay đến 01/01/2021.
- (5) Theo hợp đồng số 05/2019 ngày 01/12/2020 giữa Công ty Cổ phần Xây dựng Bảo tàng Hồ Chí Minh và ông Đỗ Minh Hải với lãi xuất cho vay 6%/năm, thời hạn vay đến hết 01/12/2021.
- (6) Theo hợp đồng số 01/2020 ngày 18/06/2020 và Phụ lục hợp đồng số 01 ngày 18/12/2020 giữa Công ty Cổ phần Xây dựng Bảo tàng Hồ Chí Minh và ông Nguyễn Khánh Dư với lãi xuất cho vay 11%/năm, thời hạn vay là 180 ngày kể từ ngày ký hợp đồng vay.

8. HÀNG TỒN KHO

Nguyên liệu, vật liệu
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
	12.318.197	-	84.102.497	-
	363.561.460.509	-	525.651.884.691	-
	363.573.778.706	-	525.735.987.188	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ					
01/01/2020	63.813.494.140	54.008.116.281	18.232.314.106	909.419.686	136.963.344.213
- Mua trong năm	-	35.000.000	-	-	35.000.000
31/12/2020	63.813.494.140	54.043.116.281	18.232.314.106	909.419.686	136.998.344.213
HAO MÒN LŨY KẾ					
01/01/2020	13.155.290.225	49.225.092.069	12.051.223.139	675.371.707	75.106.977.140
- Khấu hao trong năm	2.648.224.135	2.213.710.451	2.337.866.375	107.381.312	7.307.182.273
31/12/2020	15.803.514.360	51.438.802.520	14.389.089.514	782.753.019	82.414.159.413
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
01/01/2020	50.658.203.915	4.783.024.212	6.181.090.967	234.047.979	61.856.367.073
31/12/2020	48.009.979.780	2.604.313.761	3.843.224.592	126.666.667	54.584.184.800

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình tại ngày 31/12/2020 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 53.878.015.032 đồng.
- Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình tại ngày 31/12/2019 đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 6.332.642.117 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

10. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	01/01/2020	Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/12/2020
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Bất động sản đầu tư cho thuê				
NGUYÊN GIÁ				
- Nhà	84.214.110.999	-	-	84.214.110.999
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
- Nhà	61.226.776.585	6.163.405.989	-	67.390.182.574
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
- Nhà	22.987.334.414	-	-	16.823.928.425

Giá trị còn lại tại ngày 31/12/2020 của BĐSĐT dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 16.823.928.425 đồng.

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2020	01/01/2020
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Ngắn hạn	-	-
Dài hạn	10.646.259.982	17.214.974.778
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	5.435.733.662	11.830.764.248
- Tiền thuê đất khu Công nghiệp Quang Minh	5.210.526.320	5.384.210.530
	<u>10.646.259.982</u>	<u>17.214.974.778</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	264.003.722.203	264.003.722.203	380.016.342.763	380.016.342.763
- Công ty CP Sản xuất & Kinh doanh Vật liệu xây dựng Ánh Dương	3.084.825.010	3.084.825.010	6.084.825.010	6.084.825.010
- Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng nền móng Chương Dương	3.385.972.500	3.385.972.500	3.385.972.500	3.385.972.500
- Công TNHH Bê tông Khánh Vĩnh	3.205.717.500	3.205.717.500	6.705.717.500	6.705.717.500
- Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng Hà Văn Gia Lộc	2.958.335.387	2.958.335.387	2.199.991.610	2.199.991.610
- Công ty TNHH Nam Phát	2.843.524.035	2.843.524.035	5.343.524.035	5.343.524.035
- Công ty TNHH sản xuất và kinh doanh VLXD An Phúc	-	-	5.300.337.000	5.300.337.000
- Doanh nghiệp Tư nhân Song Thủy	-	-	59.216.660.384	59.216.660.384
- Công ty TNHH Tâm Phát	-	-	13.222.426.470	13.222.426.470
- XN Trung Đố Nam Giang - Công ty CP Trung Đố	-	-	21.656.945.200	21.656.945.200
- Doanh nghiệp Tư nhân Vĩnh Thành	-	-	33.847.208.800	33.847.208.800
- Công ty CP Xây lắp và Thương mại	-	-	27.215.585.854	27.215.585.854
- Các khoản phải trả người bán khác	248.525.347.771	248.525.347.771	195.837.148.400	195.837.148.400
Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
Phải trả người bán là các bên liên quan	22.143.645	22.143.645	73.728.285	73.728.285
- Công ty Cổ phần Đầu tư và dịch vụ Vườn Bắc Thủ đô	22.143.645	22.143.645	73.728.285	73.728.285

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP/PHẢI THU NHÀ NƯỚC

Thuế và các khoản phải nộp

	01/01/2020	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp/khấu trừ trong năm	31/12/2020
	VND	VND	VND	VND
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	-	19.521.981.953	19.521.981.953	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.421.324.299	1.421.324.299	-
- Thuế thu nhập cá nhân	1.447.280.993	1.089.504.858	1.288.748.328	1.248.037.523
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	599.694.051	2.884.205.254	2.884.205.254	599.694.051
- Các loại thuế khác	-	20.000.000	20.000.000	-
	2.046.975.044	24.937.016.364	25.136.259.834	1.847.731.574

	01/01/2020	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2020
	VND	VND	VND	VND

Thuế và các khoản phải thu

- Thuế GTGT	687.755.767	-	4.292.843.122	4.980.598.889
- Thuế TNDN	3.179.545.853	5.215.338.485	5.678.675.701	3.642.883.069
	3.867.301.620	5.215.338.485	9.971.518.823	8.623.481.958

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	393.650.155.588	234.377.197.340
- BQLDA Bộ Y Tế (Bệnh Viện Cần Thơ)	147.259.743.000	-
- Học viện Ngoại giao	74.227.460.764	-
- Công ty TNHH Victory Việt Nam	-	53.622.450.000
- BQLDA các CTXD của Đảng ở TƯ (Ban Đảng)	67.352.000.000	-
- Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội	1.078.269.201	-
- Khu nhà ở xã hội Bắc Giang	19.713.099.787	-
- Kho bạc Bắc Từ Liêm	9.197.120.343	-
- Trung tâm thương mại và nhà ở 379 Đội Cấn	953.409.084	8.627.148.693
- Kho bạc NN Cầu Kè Trà Vinh	-	5.020.000.000
- Công ty HUD Building Nha Trang	-	7.907.669.474
- Người mua trả tiền trước khác	73.869.053.409	159.199.929.173

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Ngắn hạn	6.316.283.897	5.171.455.364
- Trích trước chi phí vào các công trình	5.998.621.138	4.853.792.605
- Chi phí phải trả khác	317.662.759	317.662.759

16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Ngắn hạn	28.046.348.402	24.390.315.170
- Kinh phí công đoàn	4.073.650.119	4.245.176.108
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	23.972.698.283	20.145.139.062
+ Phải trả Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội - CTCP	-	185.828.276
+ BQL 143 Đốc Ngừ	4.024.396.441	3.715.037.686
+ BQL 379 Đội Cấn	9.842.242.323	8.571.682.355
+ Ban quản lý 249 Thụy Khuê	3.180.593.736	2.218.509.562
+ Các khoản khác	6.925.465.783	5.454.081.183
Dài hạn	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Nội dung	31/12/2020		Trong năm		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	890.000.000	890.000.000	44.274.334.104	84.661.633.778	41.277.299.674	41.277.299.674
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch 1	-	-	30.230.189.305	38.230.189.305	8.000.000.000	8.000.000.000
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam CN Đại La	-	-	4.554.182.357	22.642.008.848	18.087.826.491	18.087.826.491
- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	-	-	9.489.962.442	23.789.435.625	14.299.473.183	14.299.473.183
- Vay ngắn hạn - Đối tượng khác (1)	890.000.000	890.000.000	-	-	890.000.000	890.000.000
	890.000.000	890.000.000	44.274.334.104	84.661.633.778	41.277.299.674	41.277.299.674

(1) Là vay của cán bộ công nhân viên với lãi suất từ 6,0% - 6,5%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

18. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Dài hạn	2.097.955.830	12.958.729.240
- Doanh thu cho thuê Văn phòng	2.097.955.830	2.424.137.348
+ Cho thuê Văn phòng 147 Đốc Ngừ	70.881.691	162.511.994
+ Cho thuê Văn phòng 249 Thụy Khuê	1.279.834.514	1.201.871.059
+ Cho thuê Văn phòng 381 Đội Cấn	702.694.171	1.036.875.508
+ Thuê đất biển quảng cáo	44.545.454	22.878.788
- Doanh thu xây lắp	-	10.534.591.892
+ Công trình Ford Thăng Long	-	739.002.438
+ Chung cư Xuân Đình	-	9.795.589.454

19. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

Là khoản trích lập dự phòng bảo hành cho các công trình xây lắp đã hoàn thành và bàn giao theo các hợp đồng ký với khách hàng có điều khoản bảo hành với tỷ lệ không vượt quá 5 % trên giá trị công trình đã được quyết toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG BẢO TÀNG HỒ CHÍ MINH

Số 381 Đội Cấn, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

20.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
01/01/2019	80.000.000.000	18.350.075.000	27.958.157.795	204.556.827.885	330.865.060.680
- Lãi trong năm	-	-	-	44.780.910.832	44.780.910.832
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(6.424.964.570)	(6.424.964.570)
- Trích quỹ thưởng Ban điều hành	-	-	-	(500.000.000)	(500.000.000)
- Chia cổ tức trong năm	-	-	-	(8.000.000.000)	(8.000.000.000)
31/12/2019	80.000.000.000	18.350.075.000	27.958.157.795	234.412.774.147	360.721.006.942
01/01/2020	80.000.000.000	18.350.075.000	27.958.157.795	234.412.774.147	360.721.006.942
- Lãi trong năm	-	-	-	31.200.314.885	31.200.314.885
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	-	-	(5.373.000.000)	(5.373.000.000)
- Trích quỹ thưởng Ban điều hành (*)	-	-	-	(500.000.000)	(500.000.000)
- Chia cổ tức trong năm (*)	-	-	-	(12.000.000.000)	(12.000.000.000)
31/12/2020	80.000.000.000	18.350.075.000	27.958.157.795	247.740.089.032	374.048.321.827

(*) Phân phối lợi nhuận năm 2019 theo Nghị quyết số 19/CT - CBT ngày 09/06/2020 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 Công ty Cổ phần Xây dựng Bảo tàng Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

20.2 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	80.000.000.000	80.000.000.000
+ Vốn góp cuối năm	80.000.000.000	80.000.000.000

20.3 CỔ PHIẾU

	31/12/2020	01/01/2020
	CP	CP
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.000.000	8.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.000.000	8.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	8.000.000	8.000.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.000.000	8.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	8.000.000	8.000.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
* <i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	10.000	10.000

20.4 CÁC QUỸ

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
- Quỹ đầu tư phát triển	27.958.157.795	27.958.157.795

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

21. DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Doanh thu	720.360.734.758	1.087.662.709.960
- Doanh thu kinh doanh bất động sản	151.777.000.886	127.734.045.557
- Doanh thu hoạt động xây lắp	527.254.369.122	913.227.154.881
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	41.329.364.750	46.701.509.522

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
- Giá vốn kinh doanh bất động sản	123.191.731.748	96.402.419.697
- Giá vốn của hoạt động xây lắp	518.379.791.355	888.356.025.448
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	20.593.875.225	23.029.377.768
	662.165.398.328	1.007.787.822.913

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.896.240.978	3.627.040.669
- Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	-	5.657
	4.896.240.978	3.627.046.326

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	2.200.464.453	1.702.101.030
- Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	10.443	-
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	644.072.747	681.830.849
	2.844.547.643	2.383.931.879

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG/QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
<i>a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp</i>	52.490.728.049	65.469.526.897
- Chi phí nhân viên quản lý	31.302.033.960	44.999.734.158
- Chi phí công cụ dụng cụ, đồ dùng văn phòng	489.634.764	1.522.626.218
- Chi phí khấu hao TSCĐ	7.518.525.300	5.193.804.391
- Thuế phí, lệ phí	1.053.886.807	2.809.280.106
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.467.204.656	2.837.823.904
- Chi phí quản lý khác	7.659.442.562	8.106.258.120
<i>b. Các khoản chi phí bán hàng</i>	114.936.909	134.082.545
- Chi phí nhân viên bán hàng	114.936.909	134.082.545

26. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	177.272.727
- Hoàn nhập quỹ dự phòng tiền lương	20.929.705.091	22.691.543.516
- Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình	10.920.356.908	17.763.053.771
- Thu nhập khác	55.158.335	136.971.346
	31.905.220.334	40.768.841.360

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	39.309.933.176	56.260.868.554
Các khoản chi phí không được khấu trừ	1.238.158.277	1.138.925.714
- Khấu hao TSCĐ vượt khung	842.771.076	842.771.076
- Các khoản chi phí (phạt)	28.185.394	20.154.638
- Tiền lương và phụ cấp HĐQT	367.191.364	276.000.000
- Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	10.443	-
Trừ các khoản thu nhập không chịu thuế	-	5.657
- Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	-	5.657
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	40.548.091.453	57.399.788.611
Trừ các khoản thu nhập không phải từ hoạt động kinh doanh	28.585.269.141	31.331.625.860
- Lợi nhuận trước thuế từ hoạt động kinh doanh bất động sản	28.585.269.141	31.331.625.860
Thuế suất	20%	20%
Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh bất động sản (1)	5.717.053.828	6.266.325.172
Tổng thu nhập chịu thuế trong kỳ từ hoạt động sản xuất kinh doanh	11.962.822.312	26.068.162.751
Thuế suất	20%	20%
Thuế TNDN từ hoạt động sản xuất kinh doanh (2)	2.392.564.462	5.213.632.550
Thuế TNDN tạm nộp 1% thu tiền theo tiến độ năm 20120 (3)	218.716.080	174.406.964
Thuế TNDN đã tạm nộp 1% của HKKD bất động sản (4)	1.691.671.587	1.419.730.340
Chi phí thuế TNDN hiện hành =(1)+ (2) + (3)-(4)	6.636.662.784	10.234.634.346

28. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN Lãi, CHI PHÍ THUẾ TNDN HOẢN Lãi

Là khoản tạm nộp tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 1% trên doanh thu thu được tiền theo tiến độ.

29. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2020	01/01/2020
Nợ khó đòi đã xử lý (VND)	317.555.843	317.555.843
Ngoại tệ các loại:		
+ USD	67,00	86,80

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

30. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Mối quan hệ của Công ty với các bên liên quan có phát sinh giao dịch trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 như sau:

STT	Bên liên quan	Mối quan hệ
1	Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản TTT	Đầu tư liên kết
2	Công ty Cổ phần Đầu tư và dịch vụ Vườn Bắc Thủ đô	Công ty con

Thu nhập của HĐQT, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

	Chức vụ	Năm 2020
		VND
Thu nhập của HĐQT, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc		3.515.643.642
Ông Phạm Minh Đức	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	696.304.000
Ông Đoàn Văn Khang	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	414.188.405
Ông Nguyễn Văn Hiền	Thành viên HĐQT	367.191.364
Ông Đỗ Việt Thi	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	604.208.082
Bà Trần Thị Hoa	Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng	535.933.409
Ông Tôn Mạnh Dũng	Thành viên HĐQT	447.818.382
Bà Phạm Thu Lan	Trưởng Ban Kiểm soát	287.324.000
Ông Nguyễn Tất Thụ	Thành viên Ban Kiểm soát	120.676.000
Bà Nguyễn Thị Thủy	Thành viên Ban Kiểm soát	42.000.000

Giao dịch với các bên liên quan

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Mua hàng với bên liên quan	904.602.175	60.882.924
- Công ty Cổ phần Đầu tư và dịch vụ Vườn Bắc Thủ đô	904.602.175	60.882.924
Góp vốn vào Công ty	-	12.000.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản TTT	-	12.000.000.000
Chuyển nhượng khoản đầu tư	-	3.850.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản TTT	-	3.850.000.000

Số dư với các bên liên quan

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Phải trả người bán	22.143.645	73.728.285
- Công ty Cổ phần Đầu tư và dịch vụ Vườn Bắc Thủ đô	22.143.645	73.728.285

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

31. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Công ty có các hợp đồng thuê đất dài hạn chi tiết như sau:

- Hợp đồng số 109-08/HĐĐTĐTN ngày 25/04/2008 và phụ lục số 78/PLHĐĐTĐ ngày 10/02/2015: Thuê 3.641m² đất tại số 381 Đội Cấn, phường Cống Vị, Ba Đình, Hà Nội để xây dựng văn phòng. Đơn giá thuê đất được áp dụng ổn định 5 năm kể từ ngày 13/03/2018 đến ngày 12/03/2023.
- Hợp đồng số 252/HĐTD-STNMT-PC ngày 20/04/2016: Thuê 646 m² đất tại số 147 phố Đốc Ngừ, phường Liễu Giai, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội để tiếp tục sử dụng cùng với công trình đã xây dựng làm việc và thương mại, dịch vụ. Thời gian thuê đất hàng năm kể từ ngày 14/09/2015. Đơn giá thuê đất được áp dụng ổn định 5 năm kể từ ngày 14/09/2015 đến hết ngày 13/09/2020. Từ năm 2021 đơn giá thuê đất theo thông báo nộp tiền thuê đất hàng năm của Cục thuế thành phố Hà Nội.

32. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty đã được kiểm toán.



Tổng Giám đốc

Phạm Minh Đức

Kế toán trưởng

Trần Thị Hoa

Người lập biểu

Ngô Kim Dung